

Bản án số 291/2021/HCPT
Ngày 25 tháng 7 năm 2022

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Các Thẩm phán: Ông Phạm Việt Hà;
Ông Đặng Đình Lực.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Tuyên, Kiểm sát viên

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 64/2021/TLPT-HC ngày 05 tháng 02 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 338/2020/HC-ST ngày 23/12/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 6233/QĐ-HC ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

* **Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Văn A, sinh năm 1946; địa chỉ: số 01 đường N, tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố H. Có mặt;

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện:* Luật sư Nguyễn Xuân V và luật sư Nguyễn Thị Thanh P – Công ty Luật TNHH G thuộc Đoàn Luật sư thành phố H; Địa chỉ: số 24, ngõ 120 đường T, phường C1, quận B, thành phố H; Có mặt.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện G, thành phố H; địa chỉ: số 10 N, thị trấn T, huyện G, thành phố H.

- Đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị H – Chủ tịch; Vắng mặt.

- Đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Đức H - Phó Chủ tịch; Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: số 10 N, thị trấn T, huyện G, thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Văn H - Chức vụ: Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện G (Thông báo số 414/TB-UBND ngày 01/7/2022 của Phó Chủ tịch UBND huyện G). Vắng mặt;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ủy ban nhân dân xã L, huyện G, thành phố H; địa chỉ: xã L, huyện G, thành phố H.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Phan Trung K - Chức vụ: Chủ tịch;
Có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Bà Đinh Thị C, sinh năm 1947; địa chỉ: số 01 đường N, tổ dân phố K, thị trấn T, huyện G, thành phố H. Vắng mặt;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 20, 26/3/2019 và các bản khai tiếp theo tại Tòa án, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn A trình bày:*

Ông có mảnh vườn ông cha để lại, diện tích trước đây là 02 sào bắc bộ bằng 720m² nhưng hiện nay chỉ còn 497m² (lý do địa phương mở đường). Vào những năm 1963 – 1964, HTX nông nghiệp thôn C, xã L, huyện G lấy đất vườn của ông đắp lên đường vùng chống lụt vì thế nên ruộng nhà ông thành ao, hiện nay vẫn còn những bụi tre của nhà ông để lại, gia đình ông vẫn thu hoạch các bụi tre không có tranh chấp.

Việc nộp thuế đất vườn ao, cả làng ông không ai nộp, nhà ông không thấy ai thu, việc này nếu có sai là sai ở cán bộ xã, trong khi đó các hộ dân khác cũng có ao vườn như ông nhưng đã san lấp ao được nhà nước công nhận là đất sử dụng riêng của gia đình.

Tại Quyết định số 19016/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện G có nói, lô ao vườn của ông và các hộ liền kề là khu di tích đình thôn C - chùa H. Năm 1996, Bộ Văn hóa ký quyết định công nhận đình chùa thôn C là di tích văn hóa diện tích không quá 1.000m², không nói gì về đất đai ao hồ của các hộ dân. Vào khoảng năm 1992 - 1995, cán bộ địa phương có mời các hộ dân có ao vườn liền kề với ao Đ hợp, vận động các hộ dân hiến đất cho địa phương làm di tích đình chùa nhưng các hộ không đồng ý.

Theo Quyết định số 40/2011/QĐ-UBND ngày 20/12/2011 và Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố H thì ông được quyền sử dụng đất ao vườn xen kẹt đó.

Nay ông A đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết cho ông công bằng theo luật pháp.

** Người bị kiện là Chủ tịch huyện G trình bày:*

Theo hồ sơ địa chính năm 1993 - 1994 lưu tại UBND xã L thể hiện, diện tích đất ông A đề nghị, một phần là của diện tích ao Đ thuộc di tích Đình C, chùa H đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa từ năm 1996.

Sổ bộ thuế các thời kỳ không thể hiện hộ gia đình ông A thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất ông đang kiến nghị. Diện tích đất hộ ông A viết trong đơn đề nghị 720m² gửi UBND xã L là do gia đình ông A tự xác định.

Ngày 18/12/2017, UBND xã L tổ chức họp lấy ý kiến khu dân cư để giải quyết đề nghị được sử dụng đất khu ao Đ của 08 hộ gia đình. Tại cuộc họp, các

ông bà cao tuổi đại diện khu dân cư cho biết: Toàn bộ khuôn viên ao Đ đổi diện Đình, trước năm 1960 do HTX quản lý. Năm 1978 - 1979 hợp nhất. Sau khi hợp nhất, thôn cho thuê thau và thả cá. Vì vậy, toàn bộ khuôn viên ao Đ thuộc thửa số 14, 15 và 30 bao gồm có một số bụi tre, cây chuối do các hộ dân trồng tại ven cơ ta luy đường và ao thuộc phạm vi đất công do UBND xã quản lý.

Các hộ trồng tre và một số cây trồng khác trên cơ ta luy đường cạnh ao Đ là đã trồng thu hoạch từ những năm 1980 trở về trước.

Diện tích đất hiện gia đình ông A đề nghị công nhận Quyền sử dụng đất thuộc các thửa số 14 tờ bản đồ số 4, diện tích 469m², là đất vườn lưu không kê; thửa số 15 diện tích 2.492m² là đất công thuộc khu ao Đ đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa “Đình C - Chùa H” từ năm 1996. Quá trình quản lý và khoanh ranh giới di tích không ai có ý kiến thắc mắc gì tại thời điểm lập hồ sơ di tích.

UBND huyện G giữ nguyên quan điểm giải quyết khiếu nại của ông A tại Quyết định số 19016/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 và đề nghị được giải quyết vắng mặt.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là Chủ tịch UBND xã L, huyện G trình bày:*

Về hồ sơ địa chính: thửa đất số 14, tờ bản đồ số 4, diện tích 469m² đất vườn là đất lưu không đường kê bao; thửa đất số 15, tờ bản đồ số 4, diện tích 2492m² là đất ao; thửa đất số 30, tờ bản đồ số 1, diện tích 1.518m² là đất ao; các thửa đất này hiện tại ông Nguyễn Văn A có đơn đề nghị cấp GCNQSDĐ. Qua xác minh thì vị trí đất ông A đòi quyền sử dụng là đất công thuộc khu ao Đ đã được xếp hạng Di tích lịch sử văn hóa “Đình C - Chùa H” từ năm 1996, quá trình quản lý và khoanh ranh giới di tích không ai thắc mắc kiến nghị gì tại thời điểm lập hồ sơ di tích.

Kết quả xác minh tại thực địa cho thấy toàn bộ khuôn viên ao Đ thửa đất số 14, 15, tờ bản đồ số 4 và thửa số 30, tờ bản đồ số 01, bao gồm cả một số bụi tre, chuối do các hộ dân trồng ven ta luy đường và ao là thuộc phạm vi đất công do UBND xã quản lý. Hàng năm khu ao Đ, tập thể lãnh đạo thôn C đã từng cho ông Vũ Văn N, ông Nguyễn Văn K, ông Nguyễn Văn T thuê thả cá và nộp sản phẩm quy thóc cho địa phương.

Ngày 16/3/2017, UBND xã đã làm việc với các hộ dân để xác minh nguồn gốc đất. Kết quả làm việc với ông A đã không xuất trình được bất cứ loại giấy tờ nào với UBND xã để chứng minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất.

Kiểm tra sổ sách và sổ bộ thuế của UBND xã từ sau năm 1993 đến nay không thấy ông Nguyễn Văn A thực hiện bất cứ khoản nghĩa vụ tài chính nào đối với diện tích đất vườn, đất ao mà ông Nguyễn Văn A trình bày trong đơn.

UBND xã L đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật và xin vắng mặt tại phiên tòa.

- Bà Nguyễn Thị C trình bày: Bà thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông

Nguyễn Văn A, đề nghị Tòa án hủy Quyết định số 19016/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện G và xin được vắng mặt tại phiên tòa.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 338/2020/HC-ST ngày 23/12/2020, Tòa án nhân dân thành phố H quyết định áp dụng khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 204, Điều 206, khoản 1 Điều 348 Luật tổ tụng hành chính; Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật đất đai năm 2013; Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A yêu cầu hủy Quyết định số 19016/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện G, thành phố H.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 28/12/2020, người khởi kiện là ông Nguyễn Văn A có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện ông Nguyễn Văn A vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày: Diện tích đất của ông A đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ vì ông A sử dụng ổn định trước năm 1993. Quyết định số 19016/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của UBND huyện G không có cơ sở pháp lý vì diện tích đất này do các cụ để lại. Năm 1963, 1964 gia đình ông A đã hiến đất để đắp đê bao. Theo Văn bản 488 thể hiện 1 số hộ dân trình bày, 04 hộ dân được UBND xã L lấy đất. Căn cứ vào lời khai của ông C, ông P xác nhận sự việc lấy đất của các hộ dân. Việc UBND xã đo vẽ không mời các gia đình nên bản đồ này không có căn cứ. Tại phiên tòa hôm nay, luật sư cung cấp thêm lời khai của 18 người làm chứng có xác nhận của luật sư, kèm theo là lời khai của 1 số hộ dân sống liền kề ao Đ xác nhận. UBND xã không có bản đồ những năm 1963, 1964 mà chỉ căn cứ vào bản đồ năm 1993, 1994 để xác định thời điểm sử dụng đất là không có căn cứ. Hồ sơ công nhận di tích lịch sử không có hồ sơ đo đạc đất đai, do vậy UBND xã và UBND huyện cho rằng diện tích đất là thuộc đất đình chùa là không có căn cứ. Việc không đóng thuế không phải là căn cứ để cấp GCNQSDĐ. UBND xã không có căn cứ chứng minh diện tích đất này do UBND xã quản lý là đất công từ năm 1930 đến năm 1993, 1994. Từ đó, Luật sư đề nghị sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận yêu cầu kháng cáo và yêu cầu khởi kiện của ông A. Hoặc nếu cần thu thập thêm chứng cứ thì đề nghị hủy bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hoạt động tiến hành tố tụng của Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội là đúng và đầy đủ theo quy định của Luật Tố tụng Hành chính. Kháng cáo của ông Nguyễn Văn A trong hạn luật định nên được xem

xét theo trình tự phúc thẩm. Tại phiên tòa, người bị kiện và 01 số người có quyền lợi liên quan vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng Hành chính, không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn A, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án trên cơ sở thẩm tra, xem xét tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện lời khai của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về tố tụng: Người bị kiện và người có quyền lợi liên quan đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2, khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính, tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2]. Về đối tượng khởi kiện: Đây là vụ án khởi kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30 Luật tố tụng Hành chính. Người bị kiện là Chủ tịch UBND huyện G, thành phố H, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H theo quy định tại khoản 3 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[3]. Về thời hiệu khởi kiện: Người khởi kiện ông Nguyễn Văn A xác định thời điểm nhận được Quyết định số 19016/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện G vào tháng 01/2019; đến tháng 3/2019, ông A khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định số 19016/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 nêu trên, nên ông A khởi kiện trong thời hạn theo quy định tại điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 116 Luật tố tụng Hành chính như Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ.

[4]. Về nội dung: Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy, theo Bản đồ năm 1993 - 1994 do UBND xã L cung cấp thì diện tích đất ông Nguyễn Văn A yêu cầu đòi quyền sử dụng thuộc: Thửa 14, tờ bản đồ số 4, diện tích 469m² là đất lưu không cơ đường đê bao và một phần thửa 15, diện tích 2.492m² là đất công thuộc khu ao Đ đã được xếp hạng di tích lịch sử văn hóa “đình C - chùa H” từ năm 1996. Quá trình quản lý và khoanh ranh giới di tích, không có cá nhân nào có ý kiến thắc mắc. Theo sổ dã ngoại 1993 - 1994 thì ao Đ bao gồm toàn bộ thửa 14, 15, 30 bản đồ 1993 - 1994, được xác định đất di tích lịch sử. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ và hồ sơ kỹ thuật thửa đất ngày 14/01/2020 của Tòa án nhân dân thành phố H, có mặt ông Nguyễn Văn A đã xác định: Ranh giới sử dụng đất do người sử dụng đất (ông Nguyễn Văn A xác định) Thửa đất ao có diện tích 497m². Thửa đất tứ giác 4 cạnh có chiều dài lần lượt là 16,88m, 27,42m, 16,88m, 32,2m, Hai đầu chặn bởi hai đường đi. Hai bên giáp 2 thửa ao của nhà bà Oanh và

ông Soạn. Đất ao không có kiến trúc gì, chỉ có bèo và tre trên bờ.

[5]. Ngày 16/3/2017, UBND xã L đã làm việc với hộ gia đình ông A để xác minh nguồn gốc đất, nhưng gia đình ông A không cung cấp được giấy tờ, tài liệu để chứng minh nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất. Ngày 11/4/2017, UBND xã L tổ chức lấy ý kiến khu dân cư để giải quyết đơn đề nghị của ông A. Đại diện các ban, ngành, đoàn thể của thôn tham dự đã cung cấp ý kiến: diện tích gia đình ông A đề nghị thuộc diện tích ao công do UBND xã quản lý. Tại “Sổ bộ thuế sử dụng đất” các thời kỳ không thể hiện hộ gia đình ông A thực hiện nghĩa vụ tài chính đối với diện tích đất trên.

[6]. Đối với “Giấy xác nhận” ngày 15/9/2017 của ông Nguyễn Văn A có nội dung: “Gia đình ông A có thửa đất diện tích 469m² gần ao Đ. Năm 1963 - 1964, HTX nông nghiệp khoét đất vườn để đắp đường vùng chống lũ lụt nên đất vườn trở thành ao. Hiện nay, các bụi tre của các cụ cha ông trồng vẫn còn, ở hai bên đầu bờ ao”. Giấy xác nhận có 28 chữ ký, không có nội dung xác nhận cụ thể. Hơn nữa, nội dung xác nhận không có cơ sở pháp lý để chứng thực nội dung đúng như ông A trình bày. Tại Tòa án cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Văn A xuất trình thêm 01 số tài liệu mới là xác nhận của 18 người làm chứng. Tuy nhiên, các tài liệu này không thay đổi và không phù hợp với quy định tại Điều 100 Luật đất đai và không chứng minh việc quản lý, sử dụng đất và giấy tờ chứng minh ông A được giao đất theo quy định, quá trình sử dụng đất ông Nguyễn Văn A cũng không nộp thuế sử dụng đất. Trong khi đó, hồ sơ lưu trữ của UBND cấp có thẩm quyền, đều thể hiện phần đất trên thuộc đất công do UBND xã quản lý; do đó, UBND huyện G không cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích 497m² đất ao tại thôn C, xã L, huyện G cho ông Nguyễn Văn A là đúng quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn A về yêu cầu hủy Quyết định số 19016/QĐ-UBND ngày 29/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện G, thành phố H là có căn cứ, nên không có cơ sở chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, mà cần chấp nhận quan điểm và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Kháng cáo của ông Nguyễn Văn A không được chấp nhận nên ông A phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Tuy nhiên, ông A sinh năm 1946, là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí, nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

QUYẾT ĐỊNH

[1]. Bác kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Văn A; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 338/2020/HC-ST ngày 23 tháng 12 năm 2020 của Tòa án nhân dân thành phố H.

[2]. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Nguyễn Văn A.

[3]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

CÁC THẨM PHÁN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Đình Lực

Phạm Việt Hà

Mai Anh Tài

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND TP H;
- VKSND TP H;
- Cục THADS TP H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài

